

BẢNG ĐIỂM THI MÔN:THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

STT	Họ và	tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	1001011456	TC10A	000001	136	5.4	01
2	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	1001011457	TC10A	000002	365	7.6	01
3	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	1001010753	TC10A	000003	421	8.8	01
4	Quách Duy	Anh	25/10/2004	1001010755	TC10A	000004	519	8.6	01
5	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	1001011387	TC10A	000005	673	8.6	01
6	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	1001010762	TC10A	000006	754	8.4	01
7	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	1001010763	TC10A	000007	807	8.0	01
8	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	1001010765	TC10A	000008	136	5.4	01
9	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	1001010767	TC10A	000009	365	6.2	01
10	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	1001010437	TC10A	000010	421	8.6	01
11	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	1001010783	TC10A	000011	519	8.2	01
12	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	1001011236	TC10A	000012	673	7.6	01
13	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	1001010797	TC10A	000013	754	5.8	01
14	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	1001010798	TC10A	000014	807	7.4	01
15	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	1001010803	TC10A	000015	136	6.0	01
16	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	1001011363	TC10A	000016	365	8.0	01
17	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	1001011365	TC10A	000017	421	7.4	01
18	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	1001010818	TC10A	000018	519	9.0	01
19	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	1001011393	TC10A	000019	673	9.0	01
20	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	1001010821	TC10A	000020			01
21	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	1001011453	TC10A	000021	807	5.6	01
22	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	1001010828	TC10A	000022	136	5.8	01
23	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	1001010834	TC10A	000023	365	7.8	01
24	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	1001010835	TC10A	000024	421	8.2	01
25	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	1001010229	TC10A	000025	519	8.4	01
26	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	1001010844	TC10A	000026	673	8.6	01
27	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	1001010849	TC10A	000027	754	7.8	01
28	Lê Phú	Quý	03/08/2003	1001010852	TC10A	000028			01
29	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	1001010905	TC10A	000029	136	5.2	01

30	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	1001010862	TC10A	000030	365	7.8	01
31	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	1001010864	TC10A	000031	421	5.0	01
32	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	1001010868	TC10A	000032	519	6.0	01
33	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	1001010870	TC10A	000033	673	5.4	01
34	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	1001010871	TC10A	000034	754	7.2	01
35	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	1001010873	TC10A	000035	807	9.0	01
36	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	1001010878	TC10A	000036	136	8.0	01
37	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	1001011383	TC10A	000037	754	9.0	01
38	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	1001010881	TC10A	000038	807	5.8	01
39	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	1001010890	TC10A	000039	298	6.6	01
40	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	1001011337	TC10B	000040	136	9.6	02
41	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	1001011340	TC10B	000041	298	9.4	02
42	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	1001011441	TC10B	000042	421	8.8	02
43	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	1001010750	TC10B	000043	519	8.0	02
44	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	1001010752	TC10B	000044	673	7.4	02
45	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	1001010754	TC10B	000045	754	8.8	02
46	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	1001010756	TC10B	000046	807	7.8	02
47	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	1001010757	TC10B	000047	365	7.6	02
48	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	1001011687	TC10B	000048	136	8.4	02
49	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	1001010780	TC10B	000049	298	8.4	02
50	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	1001011348	TC10B	000050	365	8.2	02
51	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	1001011739	TC10B	000051	421	8.8	02
52	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	1001010786	TC10B	000052	519	9.0	02
53	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	1001011692	TC10B	000053	673	9.4	02
54	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	1001010794	TC10B	000054	754	9.6	02
55	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	1001010795	TC10B	000055	807	9.4	02
56	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	1001010796	TC10B	000056	136	9.4	02
57	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	1001011359	TC10B	000057	298	8.4	02
58	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	1001010802	TC10B	000058	365	7.2	02
59	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	1001030597	TC10B	000059	421	7.0	02
60	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	1001010811	TC10B	000060	519	7.8	02
61	Mã Đức	Long	13/12/2004	1001010817	TC10B	000061	673	6.2	02
62	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	1001010820	TC10B	000062	754	7.8	02
63	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	1001010826	TC10B	000063	807	8.8	02

64	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	1001010831	TC10B	000064	136	9.4	02
65	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	1001010215	TC10B	000065	298	8.0	02
66	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	1001010840	TC10B	000066	365	6.6	02
67	Trần Mai	Phương	29/12/2004	1001010848	TC10B	000067	421	7.8	02
68	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	1001010850	TC10B	000068	519	7.8	02
69	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	1001010855	TC10B	000069	673	7.0	02
70	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	1001010857	TC10B	000070	754	8.4	02
71	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	1001010867	TC10B	000071	807	8.2	02
72	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	1001011460	TC10B	000072	136	6.8	02
73	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	1001011455	TC10B	000073	298	6.2	02
74	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	1001011467	TC10B	000074	365	8.8	02
75	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	1001010879	TC10B	000075	421	8.4	02
76	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	1001011454	TC10B	000076	519	8.4	02
77	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	0901010764	TC10B	000077	673	8.4	02
78	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	1001010891	TC10B	000078	754	8.4	02
79	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	1001010894	TC10B	000079	807	8.2	02
80	Phạm Hà Thảo	Anh	16/12/2004	1001070427	KL10A	000080	136	5.0	03
81	Trần Thùy	Anh	05/11/2004	1001070428	KL10A	000081	298	6.2	03
82	Nguyễn Thị Như	Bình	05/09/2004	1001070430	KL10A	000082	365	6.0	03
83	Kiều Minh	Diễm	17/11/2004	1001070432	KL10A	000083	421	9.4	03
84	Đoàn Bắc Đăng	Duy	26/12/2004	1001070435	KL10A	000084	519	3.8	03
85	Nguyễn Khánh	Hoàng	08/07/2004	1001071146	KL10A	000085	673	4.8	03
86	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/04/2004	1001070425	QL10A	000086	754	5.2	03
87	Lê Hương	Cúc	20/11/2004	1001071401	QL10A	000087	807	4.0	03
88	Nguyễn Đức	Đô	24/11/2004	1001070433	QL10A	000088	136	3.8	03
89	Nguyễn Thị	Giang	19/02/2004	1001070436	QL10A	000089	298	6.0	03
90	Nguyễn Công	Hiếu	23/08/2004	1001070439	QL10A	000090	365	6.0	03
91	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	1001070441	QL10A	000091	421	6.2	03
92	Nguyễn Hải	Long	22/06/2004	1001071155	QL10A	000092	519	4.4	03
93	Bùi Thị Như	Ngọc	03/12/2004	1001071157	QL10A	000093	673	4.0	03
94	Hoàng Thị	Nhi	01/01/2004	1001071161	QL10A	000094	807	6.2	03
95	Đỗ Anh	Phương	14/10/2004	1001071164	QL10A	000095	136	3.6	03
96	Đỗ Thị	Thùy	10/05/2003	1001071166	QL10A	000096	298	4.0	03
97	Phạm Thị Thùy	Trang	28/09/2004	1001071169	QL10A	000097	365	6.0	03

98	Vũ Văn	Trường	18/12/2004	1001071171	QL10A	000098	421	4.4	03
99	Nguyễn Duy	Tuấn	12/05/2004	1001071172	QL10A	000099	754	3.4	03

Tổng số bài: 97

Hưng Yên, Ngày tháng năm 2025

Cán bộ chấm 1

Cán bộ chấm 2



Đỗ Thị Kim Thoa



Trần Thị Thanh Vân